

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** Phòng chờ thi B1.203

Môn thi: Kỹ năng nói

Ca thi: 13h30

Ngày thi: 23/11/2021

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0001	Nguyễn Văn Tiến	6/24/1999				
2	TA0002	Tào Thuỳ Trinh	8/15/1999				
3	TA0003	Trần Thế Sơn	11/18/1999				
4	TA0004	Ngô Quốc Chương Kiên	11/2/1999				
5	TA0005	Phạm Khắc Kiên	6/13/1999				
6	TA0006	Nguyễn Thị Diệu Linh	6/29/1999				
7	TA0007	Nguyễn Ngọc Lê	5/9/1999				
8	TA0008	Trần Thu Huệ	11/12/1999				
9	TA0009	Nguyễn Hữu Thu Hương	11/17/2000				
10	TA0010	Nguyễn Duy Thành	11/23/1999				
11	TA0011	Lưu Hoàng Hà	12/28/1999				
12	TA0012	Trần Tiến Đạt	8/6/1999				
13	TA0013	Trần Đức Anh	9/23/1999				
14	TA0014	Nguyễn Thị Hương Linh	10/28/1999				
15	TA0015	Phạm Anh Đức	3/20/1999				
16	TA0016	Đỗ Văn Luật Luật	3/29/1999				
17	TA0017	Nguyễn Diệu Thanh	10/7/1999				
18	TA0018	Nguyễn Hồng Nhung	5/28/1999				
19	TA0019	Trần Thị Thùy Linh Linh	3/23/1999				
20	TA0020	Nguyễn Văn Duy	6/12/1999				
21	TA0021	Phạm Hoàng Thu Thảo	5/31/1999				
22	TA0022	Nguyễn Quang Ninh Anh	5/25/1999				
23	TA0023	Phạm Anh Đức	5/24/1999				
24	TA0024	Nguyễn Thị Hà	8/25/1999				
25	TA0025	Trịnh Long Duy	3/17/1999				
26	TA0026	Đặng Anh Thư	9/2/1999				

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ chấm thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)